TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 524/2023/DS-PT
Ngày 30/10/2023
V/v : "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa **:** Ông Vũ Toàn Giang

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng

Ông Chu Tuấn Anh

- ***Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng*** – Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên Tòa **:** Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 245/2023/TLPT – DS ngày 13/7/2023 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện U bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2023/QĐXX-DSPT ngày 18/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1957

Người giám hộ cho bà T: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984 (Con trai bà T) - có mặt;

Cùng trú tại : Thôn N, thị trấn V, huyện U, TP Hà Nội,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là luật sư Nguyễn Anh P - Công ty luật A Đoàn luật sư TP Hà Nội, có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1960

Trú tại : Thôn N, thị trấn V, huyện U, TP Hà Nội.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

3.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969;

3.2. Chị Phạm Thị Ph, sinh năm 1987;

3.3. Chị Phạm Thị M, sinh năm 1987;

3.4. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1998;

3.5. Anh Phạm Đình T, sinh năm 2001

Đều trú tại : Thôn N, thị trấn V, huyện U, TP Hà Nội (*ông T, các anh chị P, M, L, T đều ủy quyền cho chị M);*

3.6. Anh Tạ Văn S, sinh năm 1987;

3.7. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964;

3.8. Anh Tạ Văn Q, sinh năm 1991;

3.9. Anh Tạ Văn H, sinh năm 1994;

3.10. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995;

3.11. Chị Lê Khánh L, sinh năm 1995

Đều trú tại : Thôn N, thị trấn V, huyện U, TP Hà Nội (*Các anh chị S, Q, H, H, L đều ủy quyền cho chị Đ*);

3.12 Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1943 (Chết);

3.13 Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1968;

3.14 Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1974

Đều trú tại : Thôn Đ, xã T, huyện U, thành phố Hà Nội (*Anh Ph, anh C ủy quyền cho ông N*);

3.15 Ông Phạm Văn N, sinh năm 1945 (Chết năm 2012);

3.16 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1948;

3.17 Chị Phạm Thị H, sinh năm 1971;

3.18 Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1974;

3.19 Anh Phạm Đình H, sinh năm 1977;

3.20 Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1991

Đều trú tại : Thôn N, thị trấn V, huyện U, TP Hà Nội (*Bà L, anh T, chị H1, chị H đều ủy quyền cho anh H*);

3.21 Ông Phạm Đình N, sinh năm 1947; trú tại : Thôn N, thị trấn V, huyện U, TP Hà Nội, có mặt;

3.22 Bà Phạm Thị T, sinh năm 1950 (Chết);

3.23 Anh Nguyễn Hà H, sinh năm 1981

3.24 Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1981

Đều trú tại : Thôn T, xã X, huyện M, thành phố Hà Nội;

3.24 Ông Phạm Văn T, sinh năm 1966; trú tại : Thôn N, thị trấn V, huyện U, thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo hồ sơ vụ án và tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Phạm Thị T do Người giám hộ là anh Nguyễn Văn Q trình bày :

Năm 1961 gia đình bà Tđược hợp tác xã nông nghiệp thôn N, thị trấn V giao tiêu chuẩn loại đất 5% để làm kinh tế phụ gia đình, tiêu chuẩn của mỗi người được chia là 72m^2 (2 miếng), gia đình nhà bà có 09 người được chia đất có tổng diện tích là 648m^2 gồm có : Cụ Phạm Văn M(ông nội bà) đã chết; ông Phạm Văn M (bố đẻ)

chết năm 2015; bà Nguyễn Thị Th (mẹ đẻ) chết năm 2001; bà Phạm Thị Đ (chị gái); ông Phạm Văn N (anh trai); ông Phạm Văn N (anh trai); bà Nguyễn Thị T (chị gái); bà Nguyễn Thị Th (chị gái); và bà là Phạm Thị T; ông Phạm Văn Th và Phạm Văn T không được chia đất 5%. Sau khi được chia đất bố bà mua thêm 2 miếng để làm ngõ đi cho ông N. Năm 2010 ông Mthay mặt gia đình phân chia diện tích đất trên cho các con bằng lời nói, cụ thể : ông N được chia 288m^2 (6 miếng và 02 miếng ngõ đi); ông N 216m^2; ông T được 144m^2 (Số đất này của 02 chị gái đã chết); và bà được chia 72m^2 tại xóm Thái Nguyên, N, hằng năm bà đóng thuế đất đầy đủ. Khoảng tháng 4/2012 bà thuê thợ xây để xây dựng trên đất thì gia đình bà Nguyễn Thị Đ cản trở, gia đình bà Đệ trình bầy đã mua của ông T phần đất này, hiện gia đình bà Đệ đã xây dựng nhà 3 tầng.

Ngoài ra bà còn khai sau khi bà đi lấy chồng bố mẹ bà giao cho 2 miếng đất 5% ở khu vực Địa Cận (Gốc gạo) bà đã canh tác từ nhiều năm nay, sau này bà tìm hiểu được biết 2 miếng này là của chị dâu bà là bà Luật (Vợ ông N) thì bà không sử dụng nữa. Bà cho rằng 2 miếng đất 5% của bà ở xóm Thái Nguyên, N mà hiện nay nhà Thẩm, Mới đang sử dụng đề nghị Tòa bảo vệ quyền lợi cho bà.

Bị đơn ông Phạm Văn Th ủy quyền cho vợ là bà Nguyễn Thị M trình bầy :

Vợ chồng ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị M sau khi kết hôn thì về ở chung với bố mẹ chồng ở xóm Quang Trung. Đến năm 1988 bố mẹ chồng cho vợ chồng chị ra xóm Thái Nguyên, N để sinh sống trên phần diện tích đất đang ở hiện nay, cụ thể bố mẹ chồng chị cho vợ chồng chị 06 miếng đất 5% tương đương 216m^2, trong đó có 02 xuất là của bà Phạm Thị T và Phạm Thị Tiệm (Đều đã chết), còn 01 xuất là của bố mẹ chồng chị cho vợ chồng chị. Sau đó vợ chồng tội đã bán cho bà Nguyễn Thị Đ 94,5m2. Bà Phạm Thị T được chia đất 5% ở khu vực Trong Vòng hay còn gọi là khu Địa Cận, bà Tcanh tác ở đó nhiều năm nay, nay lại quay lại đòi đất ở khu vực xóm Thái Nguyên là không đúng. Đề nghị Tòa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng tôi.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

- Anh Phạm Đình H là con ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị L trình bày: Anh được biết bố anh được tiêu chuẩn 02 miếng đất 5% chia ở xóm Thái Nguyên, N, thị trấn V, gia đình anh đang sử dụng tổng số 08 miếng đất 5%, 06 miếng làm nhà 02 miếng làm ngõ, cụ thể : 02 miếng tiêu chuẩn của ông N, của bà Luật 02 miếng, cụ My 02 miếng và 02 miếng mua làm ngõ đi. Gia đình ông T đang sử dụng 06 miếng là của bà T 02 miếng, bà Th 02 miếng; ông Mcho 02 miếng. Nay bà Tvà ông T tranh chấp đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh được biết tiêu chuẩn đất 5% của bà Tđược chia ở bãi Địa Cận (Gốc cây gạo), bà Tđã sử dụng nhiều năm nay, gần đây bà Tkhông canh tác, bỏ hoang, bà Tđòi ở khu vực xóm Thái Nguyên là không đúng.

- Anh Phạm Văn T là con trai ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị T, trình bày: Theo anh được biết thì những người sinh năm 1960 trở về trước được chia đất 5%, nhà anh có anh và ông T không được chia, anh được bố anh cho 02 miếng trên bãi, không biết tiêu chuẩn của ai, hiện anh vẫn sử dụng không có tranh chấp với ai, anh nghe nói tiêu chuẩn đất 5% của bố tôi, bà thiệm, bà T ở xóm Thái Nguyên hiện nay ông T đang sử dụng, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Đ đại diện gia đình trình bầy : Do quen biết và là hàng xóm với gia đình ông Phạm Văn Th, vào khoảng năm 2011 (Không nhớ cụ thể năm nào) bà có mua mảnh đất gia đình anh Phạm Văn Th và chị Nguyễn Thị M só số đo chiều dài 21,7m chiều ngang là 4,5m diện tích là 97,65m^2 tại xóm Thái Nguyên, N, thị trấn V, giá 3 triệu/1m^2, khi mua có giấy viết tay, sau khi mua bà làm nhà kiên cố 3 tầng và sinh sống ở trên đó và không có tranh chấp gì với ai. Trước khi mua bà có tìm hiểu khu vực đó đều là đất 5%, phần bán cho bà là của cụ Mỵ để lại cho ông T, Nay bà Tvà Anh Ttranh chấp, bà cho rằng bà mua của vợ chồng chị Mlà ngay tình, hợp pháp đề nghị Tòa bảo vệ quyền lợi cho gia đình bà.

- Ông Phạm Văn N trình bầy : Gia đình ông gồm có 09 người được chia đất 5% cụ thể : ông nội ông là cụ Phạm Thị M, bố để là cụ Phạm Thị M, Phạm Thành N, Phạm Văn N, Phạm Thị T, Phạm Thị T, Phạm Thị T, Nguyễn Thị T, Phạm Thị Đ, tiêu chuẩn mỗi người được 02 miếng (72m^2) được chia ở xóm Thái Nguyên, phần của ông được chia và phần bố, mẹ ông cho ông … tổng số là 06 miếng ông đã bán. Anh Tsinh năm 1963 không có đất 5%, theo ông nhà Thẩm bán 02 miếng cho nhà Đệ là của bà T.

- Bà Nguyễn Thị L trình bầy : Hiện nay gia đình nhà bà đang sử dụng 06 miếng đất 5% gồm tiêu chuẩn của chồng bà, bố chồng bà cho và của bà và 02 miếng làm ngõ đi do cụ nội mua để làm ngõ đi. Theo bà được biết bà Tđi lấy chồng năm 1977, bố mẹ chồng bà chia trả bà T02 miếng đất 5% tiêu chuẩn của bà Tvề khu vực đất bãi Địa Cận (Gốc cây gạo) bà Tsử dụng phần đất này rất nhiều năm canh tác trồng hoa mầu. Bà Luật trình bầy cho biết đất 5% của bà ở khu vực Cây sữa bà chưa bao giờ đổi trác gì cho bà Tcả. Gia đình ông T, Mới sử dụng tiêu chuẩn 3 xuất đất 5% là 6 miếng là của bố chồng bà 1 xuất, 1 xuất của bà T, một xuất của bà Th đều đã chết đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị H1 đại diện cho anh Nguyễn Hà Hiệp trình bầy : Chồng chị là Nguyễn Hà H là con trai bà Phạm Thị T, bà T mất sớm lên anh Hiệp phải làm còn nuôi bên Suy Xá, vợ chồng anh, chị có biết việc tranh chấp đất giữa bà Tvới ông T, quan điểm của anh chị là mong gia đình đoàn kết, do chồng chị đi làm ăn xa mỗi năm chỉ về nhà 1, 2 lần, thông qua điện thoại vợ chồng chị thống nhất là không có yêu cầu tranh chấp gì về đất đai, đề nghị tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người làm chứng :

- Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1936 trình bầy : Việc bà Phạm Thị T kiện đòi đất 5% của gia đình ông T, chị Mlà bà có biết vì là hàng xóm nên bà biết rõ. Ngày trước đất 5% ở khu vực xóm Thái Nguyên không có giá trị nên không ai muốn lấy nên cụ Mỵ chia cho vợ chồng anh Thẩm, chị Mới, còn bà Tđược cụ Mỵ chia cho đất 5% ở khu vực bãi Dâu (Gốc gạo) là đất trồng màu, phần đất này của bà Tgần đất 5% của bà (2 miếng của bà Tgiáp ranh với đất của bà) bà Tđã canh tác ở đó từ nhiều năm nay, khi thấy đất ở khu vực xóm Thái Nguyên có giá trị thì bà Tkhông canh tác ở đó nữa và về đòi đất nhà Thẩm, Mới.

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1967 trình bầy : Theo ông được biết bà Phạm Thị T cũng có ruộng 5% ở khu vực gốc cây gạo giáp với đất nhà ông và bà Tsử dụng canh tác từ nhiều năm nay, khu vực đất 5% nay ngày trước là trồng màu, nay nhiều gia đình chuyển sang trồng chuối, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn V trình bầy : Ông làm giám đốc hợp tác xã nông nghiệp thôn N từ những năm 2015 – 2020, theo ông được biết bà Tsinh năm 1957 là người được tiêu chuẩn chia đất 5%, còn bà Tđược chia ở đâu thì ông không biết được, vào thời điểm ngày 4/8/2012 lúc đó ông đang làm chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp thôn N thì bà Tcó đem một tờ giấy với nội dung cho đất 5% như thế nào ông cũng không biết. thời điểm đó ông có xác nhận tiêu chuẩn đất 5% của mọi người, còn nội dung gia đình chia đất cho ai ông cũng không biết, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện U đã Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T (Do anh Nguyễn Văn Q giám hộ tham gia tố tụng) về việc đòi lại 72m^2 quyền sử dụng đất 5% đới với ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị M tại khu vực xóm Thái Nguyên, thôn N, thị trấn V, huyện U, thành phố Hà Nội.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Nguyên đơn bà Phạm Thị T do Người giám hộ là anh Nguyễn Văn Q kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn do Người giám hộ giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn, Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc gia đình bà Nguyễn Thị M, ông Phạm Văn Th phải trả nguyên đơn 02 miếng đất 5% tương đương 72m^2.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khpowir kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T.P Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng : Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung : Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả phần tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng :

[1]. Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị T (Do anh Nguyễn Văn Q giám hộ tham gia tố tụng) trong thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí nên kháng cáo hợp lệ về hình thức.

Đối với bà Phạm Thị T đã bị Tòa sơ thẩm, phúc thẩm tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định anh Nguyễn Văn Q (Con bà T) là người giám hộ tham gia tố tụng, có mặt luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Ttại tòa bà bảo đảm quyền lợi của bà T.

[2]. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án, thẩm quyền giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung :

[3]. Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai các đương sự xác định:

Khoảng năm 1961 gia đình bà Tđược Hợp tác xã nông nghiệp thôn N, thị trấn V giao tiêu chuẩn loại đất 5% để làm kinh tế phụ gia đình, tiêu chuẩn của mỗi người được chia là 72m^2 (2 miếng), gia đình nhà bà Tcó 09 người được chia đất có tổng diện tích là 648m^2 gồm có : Cụ Phạm Văn M(ông nội bà) đã chết; ông Phạm Văn M (bố đẻ) chết năm 2015; bà Nguyễn Thị Th (mẹ đẻ) chết năm 2001; bà Phạm Thị Đ (chị gái); ông Phạm Văn N (anh trai); ông Phạm Văn N (anh trai); bà Nguyễn Thị T (chị gái); bà Nguyễn Thị Th (chị gái) và bà Phạm Thị T.

Đối với ông Phạm Văn Th và Phạm Văn T không được chia đất 5%. Ngoài phần đất được chia, cụ My và cụ Thương có mua thêm 02 miếng để làm ngõ đi cho ông N. Như vậy có cơ sở để xác định bà Tthuộc diện được giao tiêu chuẩn đất 5% theo chính sách Nhà nước.

Nhưng các bên đương sự tranh chấp với nhau về việc đất 5% của bà Tđược giao ở vị trí nào.

Bà Phạm Thị T kháng cáo cho rằng phần đất 5% diện tích 72m2, thửa đất số 594, tờ bản đồ số 04, diện tích 227,3m^2 đất tại xóm Thái Nguyên, N, thị trấn V, U, Hà Nội hiện vợ chồng ông T, bà Mới đang sử dụng là của cụ Phạm Văn M bố bà chia cho bà. Vì vậy bà Tyêu cầu vợ chồng ông T, bà Mới trả lại 72m2 đất nêu trên cho bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M, ông Phạm Văn Th và các đương sự khác cho rằng năm 1977 khi bà Tđi lấy chồng, các cụ đã chia tiêu chuẩn đất 5% cho bà Tvề khu vực Đại Cận (Gốc Gạo).

Xét thấy: Theo Báo cáo xác minh ngày 28/10/2013 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện U, Biên bản xác minh tại UBND thị trấn V, Hợp tác xã nông nghiệp N năm 2022 thể hiện: phần đất 5% không có sơ đồ phân ô, không có họ tên cụ thể của từng người được hưởng, chỉ quản lý số liệu trên sổ sách tổng diện tích là 648m^2;Và đến nay UBND thị trấn V không còn lưu giữ hồ sơ sổ sách về việc phân chia đất 5% của Hợp tác xã nông nghiệp N nên không có cơ sở để xác định phần tiêu chuẩn đất của mỗi người được giao, phần đất mà bà Tđược giao ở vị trí nào.

Đối với người kháng cáo bà Phạm Thị T, ngoài ý kiến trình bày nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà được chia đất 5% ở khu vực xóm Thái Nguyên.

Theo bản đồ và sổ mục kê UBND thị trấn V đang quản lý :

- Bản đồ 299 đo vẽ năm 1985 – 1986 thể hiện 02 thửa nguồn gốc là đất ở gồm : Thửa số 194 diện tích 363m^2 tờ bản đồ số 03 đứng tên trong sổ mục kê là Phạm Văn N; thửa số 501 diện tích 422m^2 tờ bản đồ 03 đứng tên trong sổ mục kê là Phạm Văn Nhượng;

- Bản đồ đo vẽ năm 2002 thể hiện 4 thửa : Nguồn gốc thể hiện là đất 5% gồm các thửa :

+ Thửa số 589 diện tích 316,6m^2 tờ bản đồ số 04 đến tên Phạm Cảnh Ngọ;

+ Thửa đất số 590 diện tích 260,5m^2 tờ bản đồ số 04 đứng tên Phạm Văn Thuấn;

+ Thửa số 593 diện tích 227,3m^2 tờ bản đồ số 04 đứng tên Phạm Văn Thiếu (Con ông N);

+ Thửa số 594 diện tích 227,3m^2 tờ bản đồ số 04 đứng tên Phạm Văn Th.

Diện tích 04 thửa 589, 590, 593, 594 bản đồ năm 2002 là 1031,7m2 so với 648m2 theo tiêu chuẩn diện tích tăng lên là 383,7m2 (trong đó có 72m2 do cụ Mỵ mua không có giấy tờ, không xác định được thời gian mua).

Thời điểm cụ Mỵ sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích đất ở từ những năm 1969-1971 nằm trong khu dân cư nông thôn phù hợp với quy hoạch đất ở giai đoạn 2005- 2010 của UBND thị trấn. Như vậy theo bản đồ và mục kê của gia đình bà Tnêu trên hồ sơ quản lý đất nông nghiệp của HTX không có tên bà T, không có sơ đồ phân ô vị chí cụ thể; hồ sơ đất sau khi chuyển đổi mục đích làm đất ở trong các thời kỳ của UBND thị trấn V đang quản lý cũng không có tên bà Phạm Thị T.

Ủy ban nhân dân thị trấn V có văn bản vào các năm 2011 và năm 2012 xác nhận thửa đất số 594, tờ bản đồ số 04, diện tích 227,3m^2 đất tại xóm Thái Nguyên, N, thị trấn V, U, Hà Nội có nguồn gốc là của ông Phạm Văn Th.

Như vậy, sau khi được giao đất 5% các hộ gia đình đã tự phân chia đất cho các thành viên trong hộ. Các đương sự thừa nhận: Cụ Mỵ đại diện cho gia đình phân chia phần đất 5% được giao cho các con trai gồm, ông N, ông N, ông T. Việc phân chia không được lập thành văn bản. Gia đình ông T đã sử dụng đất từ trước đến nay, xây dựng các công trình, vật kiến trúc trên đất, thực hiện kê khai đứng tên và nộp thuế với cơ quan Nhà nước. Các thành viên trong gia đình đều biết về việc phân chia đất và sử dụng này, không ai có thắc mắc khiếu nại gì. Cho đến năm 2010 – 2012 bà Tmới có đơn đề nghị UBND giải quyết về việc yêu cầu ông T trả lại tiêu chuẩn đất 5% cho bà.

Bà Tcho rằng hiện gia đình bà đang quản lý 04 miếng đất 5% trong đó 02 miếng của ông Khôi chồng bà có vị trí ở máng Đoàn và 02 miếng của bà ở xóm Thái Nguyên do ông T quản lý, sử dụng.

Nhưng tại Tòa án bà Tthừa nhận khi bà đi lấy chồng bố mẹ bà giao cho 2 miếng đất 5% ở khu vực Địa Cận (Gốc gạo) bà đã canh tác từ nhiều năm nay, sau này bà tìm hiểu được biết 2 miếng này là của chị dâu bà là bà Luật (Vợ ông N) thì bà không sử dụng nữa và trả lại cho bố mẹ.

Mặt khác các đương sự, những người làm chứng bà Nguyễn Thị Tẹo, ông Nguyễn Văn Muộn là những người có diện tích đất giáp gianh với bà Tở khu vực Đại Cận (Gốc Gạo), bà Tcanh tác đất 5% ở vục này từ nhiều năm nay. Đối với bà Luật cũng xác nhận bà Tđi lấy chồng năm 1977, bố mẹ chồng bà chia trả bà T02 miếng đất 5% tiêu chuẩn của bà Tvề khu vực đất bãi Địa Cận (Gốc cây gạo), bà Tsử dụng phần đất này rất nhiều năm canh tác trồng hoa mầu. Bà Luật có đất 5% của bà ở khu vực Cây sữa nhưng chưa bao giờ đổi trác gì cho bà Tcả. Đối với vợ chồng ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị M sử dụng 03 xuất đất 5% là 6 miếng ở xóm Thái Nguyên là của bà Phạm Thị T (đã chết), bà Phạm Thị Tiệm (đã chết) và 01 xuất của ông M.

Từ những phân tích nêu trên xác định khởi kiện của bà Phạm Thị T yêu cầu vợ chồng ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị M trả lại phần đất 5% diện tích 72m^2 tại xóm Thái Nguyên, thôn N, thị trấn V, huyện U, thành phố Hà Nội là không có cơ sở.

Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện VKSND Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí : Đối với bà Phạm Thị T, sinh 1957 là Người Cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 2 Luật Người Cao tuổi; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phi và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai 2013; Điều 2 Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993; Điều 186 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ;

Điều 2 Luật Người Cao tuổi; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phi và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T (Do anh Nguyễn Văn Q giám hộ tham gia tố tụng). Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện U, T.P Hà Nội và Quyết định như sau:

[1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T (Do anh Nguyễn Văn Q giám hộ tham gia tố tụng) về việc đòi ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị M trả lại 72m^2 quyền sử dụng đất 5%, thửa đất số 594 tờ bản đồ số 04, tại khu vực xóm Thái Nguyên, thôn N, thị trấn V, huyện U, thành phố Hà Nội.

[2] Về án phí: Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí dân sự. Trả lại bà Phạm Thị T (Do anh Nguyễn Văn Q giám hộ tham gia tố tụng) số tiền 3.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AM/2010/0009659 ngày 21/5/2020 và số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0058035 ngày 16/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm xét xử công khai và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :
- *VKSNDTP Hà Nội;*
- *TAND huyện Ứng Hoà;*
- *Chi cục T.H.A dân sự huyện Ứng Hoà;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu : Hồ sơ vụ án; VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Toàn Giang